Chi tiết mã HS 3823.12.00

Mã HS	3823.12.00
Mô tả hàng hóa	Axit béo monocarboxylic công nghiệp; dầu axit từ quá trình tinh lọc; cồn béo công nghiệp / - Axit béo monocarboxylic công nghiệp; dầu axit từ quá trình tinh lọc: / - - Axit oleic
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 04:28:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38231200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5488
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5488
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5488
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4.9	4,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5355
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5316
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5316
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5316
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5316
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5316
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5316
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5360
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5360

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5360
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5360
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5360
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5360
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5358
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5358
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5358
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5358
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5358
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5358
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5360
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5322
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5318
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5318
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5318
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5318
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5318
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5318
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5327
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5327
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5327
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5327
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5327
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5327
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5368
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5368

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5368
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5368
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5368
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5368
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5369
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5369
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5369
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5369
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5369
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5369
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5372
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5372
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5372
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5372
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5372
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5372
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5341
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5341
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5341
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5341
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5341
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5341
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5343
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5343
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5343
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5343

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5343
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5343
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5341
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5341
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5341
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5341
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5341
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5341
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5341
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5362
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5362
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5362
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5362
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5362
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5362
RCEP B	2022	2022	0	B!D5362
RCEP B	2023	2023	0	B!E5362
RCEP B	2024	2024	0	B!F5362
RCEP B	2025	2025	0	B!G5362
RCEP B	2026	2026	0	B!H5362
RCEP B	2027	2027	0	B!I5362
RCEP C	2022	2022	0	C!D5362
RCEP C	2023	2023	0	C!E5362
RCEP C	2024	2024	0	C!F5362
RCEP C	2025	2025	0	C!G5362
RCEP C	2026	2026	0	C!H5362

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5362
RCEP D	2022	2022	0	D!D5362
RCEP D	2023	2023	0	D!E5362
RCEP D	2024	2024	0	D!F5362
RCEP D	2025	2025	0	D!G5362
RCEP D	2026	2026	0	D!H5362
RCEP D	2027	2027	0	D!I5362
RCEP E	2022	2022	0	E!D5365
RCEP E	2023	2023	0	E!E5365
RCEP E	2024	2024	0	E!F5365
RCEP E	2025	2025	0	E!G5365
RCEP E	2026	2026	0	E!H5365
RCEP E	2027	2027	0	E!I5365
RCEP F	2022	2022	0	F!D5362
RCEP F	2023	2023	0	F!E5362
RCEP F	2024	2024	0	F!F5362
RCEP F	2025	2025	0	F!G5362
RCEP F	2026	2026	0	F!H5362
RCEP F	2027	2027	0	F!I5362
VIFTA	2024	2024	6.3	VI!F4932
VIFTA	2025	2025	5.6	VI!G4932
VIFTA	2026	2026	4.9	VI!H4932
VIFTA	2027	2027	4.2	VI!I4932

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3823.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3823.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5488), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.